|  |
| --- |
| **PHẦN THÔNG TIN CHUNG** |
| Trường THCS Tân Phú | Giáo viên bộ môn |
| Tổ: Ngữ Văn, Lịch sử và Địa lý, GDCD | NGUYỄN HỮU SƠN |
| Phân môn: Lịch sử 6 |
| Tuần |  | Tiết |  | Thực hiện: từ đến |

BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẨU

*Sau bài học này, giúp HS:*

1. Về kiến thức

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ.

- Trình bày được những nét chính vê' đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã hội nguyên thuỷ.

- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như xã hội loài người.

- Nêu được đôi nét vê' đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.

- Biết trình bày, phản biện, tranh luận về một vấn đê' lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

3. Về phẩm chất

- Tiếp tục bồi dưỡng các phẩm chất chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đổng ở Việt Nam.

- Một số tranh ảnh vẽ công cụ, đó trang sức, ... của người nguyên thuỷ.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**A: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV sử dụng hình 1 trong SGK hoặc bất cứ bức tranh, công cụ lao động,... của người nguyên thuỷ nào khác, với mục đích là gợi sự tò mò, mong muốn tìm hiểu về đời sổng của người nguyên thuỷ của HS. GV dẫn dắt đề HS thấy cái hay, cái giá trị thông qua quan sát bức tranh hoặc những vật dụng này đổng thời để chứng minh ngược lại với những quan niệm cho rằng người nguyên thuỷ chỉ biết “ăn lông, ở lỗ, ăn sống, nuốt tươi’.’..

- *Hình 1. Bức tranh của người nguyên thuỷ vẽ cảnh đi săn:* Người nguyên thuỷ biết dùng những mảnh đá nhọn khắc sâu vào vách hang đá đề vẽ hình. Vì vậy, hình người và động vật chỉ là một nét khắc, sau đó họ mới biết vẽ thêm cho có thân, có đầu. Nhiều bức tranh còn được tô màu, chủ yếu là màu đỏ. Trong hình vẽ những người cầm cung đang nhắm bắn vào một đàn hươu đang chạy GV định hướng để HS có những suy luận, nhận xét bước đầu về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thuỷ thông qua quan sát bức tranh này. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Mục 1. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ

**a. Mục tiêu:** HS rút ra được các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc và khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:- GV đặt câu hỏi: *Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?* Để trả lời câu hỏi đó, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hai câu hỏi:*+ Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?**+ Hãy cho biết đời sống vật chất, tinh thần của Người tối cổ và Người tinh khôn.*GV hướng dẫn HS đọc và khai thác thông tin trong Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ trên thế giới để trả lời câu hỏi.Bước 2:- GV có thể phân tích thêm để mở rộng và khắc sâu kiến thức cho HS:+ Quay lại trục thời gian ở đầu chương để giới thiệu về giai đoạn “xã hội *+ vể giai đoạn bầy người nguyên thuỷ:*GV có thể đặt câu hỏi: *Vì sao giai đoạn đầu khi loài người vừa hình thành lại phải sống với nhau theo từng bầy?* Câu trả lời dựa theo những gợi ý trong mục III.Vẽ cách chế tạo công cụ lao động (hình 2): GV có thể phân tích thêm để HS hiểu tác dụng của hoạt động này.Từ sự phân tích tác động của thao tác chế tạo công cụ và sự khác nhau giữa bầy người với bầy động vật, GV đã có thể làm rõ về đời sống vật chất, đời sống tinh thần và tổ chức xã hội của bầy người nguyên thuỷ.*+ Về giai đoạn công xã thị tộc:*GV có thể đặt câu hỏi: *Thế nào là công xã thị tộc?* GV định hướng HS khai thác phần *Em có biết* (tr.21) để hình thành khái niệm .Bước 3:- Về vai trò của lao động đối với sự phát triển của người nguyên thuỷ và xã hội loài người, GV nêu vấn đề để HS suy nghĩ, trả lời: *Để sinh tồn và phát triển, người nguyên thuỷ làm gì? Những hoạt động đó có tác động ngược trở lại như thế nào đối với sự phát triển của người nguyên thuỷ và xã hội loài người?*Bước 4: GV kết luận, khắc sâu cho HS rõ vai trò của lao động đối với xã hội nguyên thuỷ. | - Giới hạn thời gian: Từ khi người nguyên thuỷ xuất hiện đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước hình thành, kéo dài hàng triệu năm.- Bầy người nguyên thuỷ:+ Là tổ chức xã hội sơ khai đầu tiên của loài người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ,...+ Biết chế tạo công cụ lao động bằng đá, được ghè đẽo thô sơ.+ Đời sống dựa vào săn bắt, hái lượm, biết tạo ra lửa.- Công xã thị tộc:+ Gắn liền với sự xuất hiện của Người tinh khôn (khoảng 15 vạn năm trước).+ Công cụ lao động đã được mài cho sắc bén và đẹp hơn; chế tạo cung tên, làm đố gốm, dệt vải, đặc biệt đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi.+ Biết chế tạo, sử dụng đổ trang sức, sáng tạo nghệ thuật (vẽ tranh trên vách hang đá,...). |

**Mục 2. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam

**b. Nội dung:** GV cho HS khai thác thông tin SGK, lược đồ

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:- G V có thể cho HS tìm trên *Lược đồ các di chỉ thời đổ đá và đồ đồng ở Việt Nam* các di chỉ thuộc thời đại đồ đá mới ở Việt Nam. Từ đó, nhấn mạnh: các di chỉ đá mới ở Việt Nam được phân bố rải rác khắp mọi miến đất nước. Chứng tỏ đến thời đá mới, cư dân đã định cư gần như trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam ngày nay. Qua các hiện vật được tìm thấy trong các di chỉ, chúng cho chúng ta biết khá chi tiết về đời sống vật chất và tinh thần của người xưa.Bước 2:- GV có thể cho HS quan sát một số hiện vật, đọc thông tin và tự rút ra những nội dung chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.Bước 3:- Trên cơ sở đó, GV định hướng HS tiếp tục khai thác và chỉ ra những cách làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt cổ (làm đàn đá, làm đổ trang sức bằng nhiếu chất liệu khác nhau - vòng đeo tay, đeo cổ,... bằng đất nung, vỏ ốc, răng thú,... có đục lỗ để xuyên dây đã được tìm thấy ở nhiều di chỉ khác ngoài văn hoá Hoà Bình).Bước 4: - GV GV tổ chức cho HS quan sát hình rìu mài lưỡi Bắc Sơn và hình công cụ đá Núi Đọ, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Kĩ thuật chế tác công cụ Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn Núi Đọ7.* đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | - Đời sống vật chất:- + Người nguyên thuỷ biết mài đá, tạo thành nhiều công cụ: rìu, chày, cuốc đá,...; dùng tre, gỗ, xương, sừng đê’ làm mũi tên, mũi lao,...+ Bước đầu biết trồng trọt và chăn nuôi (tìm thấy nhiều xương gia súc, dấu vết của các cây ăn quả, rau đậu,...).+ Biết làm đồ gốm với nhiều kiểu dáng, hoa văn trang trí phong phú.- Đời sống tinh thẩn:+ Biết làm đàn đá, vòng tay bằng đá và vỏ ốc, làm chuỗi hạt bằng đất nung, biết vẽ tranh trên vách hang,...+ Đời sống tâm linh: chôn theo người chết cả công cụ và đồ trang sức,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** Câu hỏi có tính chất khái quát. Tuy nhiên nội dung đã có sẵn trong bài, HS chỉ cần vận dụng để trình bày và chứng minh cho quan điềm của mình. HS cấn nhìn nhận suốt quá trình, từ quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đến những thay đổi trong đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thuỷ để thấy được vai trò quyết định của lao động.

Lao động và chính trong lao động mà từ một loài vượn người đã dần dấn biến đổi (từ chỗ đi bằng bốn chân rồi đi bằng hai chân, hai chi trước trỏ’ nên khéo léo và trở thành hai bàn tay, họp sọ phát triển, thể tích sọ não lớn hơn,...) để trở thành Người tối cổ, rồi thành Người tinh khôn. Cũng chính nhờ có lao động (trong chế tác công cụ lao động, từ chỗ chỉ biết ghè đẽo thô sơ tiến tới biết mài, khoan, cưa đá,...; trong đời sống: từ chỗ phải sống trong các hang đá tiến tới biết làm những túp lếu bằng cành cây, lợp lá hoặc cỏ khô, biết chế tạo ra lửa để sưởi ấm và nướng chín thức ăn; từ chỗ phải sống thành từng bầy để tự bảo vệ và tìm kiếm thức ăn tiến tới các tổ chức xã hội chặt chẽ hơn là công xã thị tộc “cùng làm cùng hưởng”,. • •), loài người phát triển ngày càng tiến bộ hơn qua các giai đoạn bầy người nguyên thuỷ đến công xã thị tộc.

**Câu 2.** Đây cũng là một câu hỏi đòi hỏi vận dụng kiến thức đê giải quyết một yêu cầu nhận thức, góp phần rèn luyện năng lực tư duy, nhận thức lịch sử. Sự tiến bộ vượt bậc trong đời sống vật chất của Người tinh khôn là sự xuất hiện của trổng trọt và chăn nuôi. Nó có tác dụng: một là, giúp con người chủ động tự tìm kiếm thức ăn, ít phụ thuộc vào thiên nhiên hơn; hai là, tăng thêm nhiều nguồn thức ăn, ít bị nạn đói đe doạ hơn. Vế tổ chức xã hội: tổ chức công xã thị tộc đã có sự gắn bó hơn nhờ có quan hệ huyết thống, có sự phân công lao động và cùng làm, cùng hưởng,...

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:** bài tập nhóm

**Câu 3.** Trên lược đố không có tên và ranh giới các tỉnh, thành hiện nay. Vì vậy, GV cẩn hướng dẫn HS đối chiếu với bản đồ Việt Nam hiện tại để tìm và trả lời chính xác. Cũng có thể rút gọn câu hỏi này bằng cách yêu cầu HS tìm xem trong tỉnh hoặc khu vực em đang sống có những di chỉ nào.

Sự phân bố các di chỉ cho thấy con người đã sống rải rác khắp mọi miền trên đất nước Việt Nam hiện nay, từ miền đồi núi đến đồng bằng, ven biển và cả hải đảo.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |
| --- |
| **PHẦN KÝ DUYỆT SỐ** |
| TỔ CHUYÊN MÔN*Hoàng Thị Kim Tuyến* |  | GV BỘ MÔN*Nguyễn Hữu Sơn* |
| BAN GIÁM HIỆU TRƯỜNG |